

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA TP. HỒ CHÍ MINH**  
**KHOA ĐIỆN – ĐIỆN TỬ**

**TIỂU LUẬN MÔN TRIẾT HỌC**

**QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN**  
**CỦA TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN**

**HỌ VÀ TÊN: Tiến Hoàng Trí Nghĩa**

**MSHV : 1870048**

**GVHD : TS. Nguyễn Thị Minh Hương**

**TP. HỒ CHÍ MINH, 2018**

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

## MỤC LỤC

Chương 1. ĐIỀU KIỆN LỊCH SỬ CỦA SỰ RA ĐỜI TRIẾT HỌC MÁC .....	1
1.1. Điều kiện kinh tế - xã hội.....	1
1.1.1. Sự củng cố và phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa trong điều kiện cách mạng công nghiệp.....	1
1.1.2. Sự xuất hiện của giai cấp vô sản.....	2
1.2. Nguồn gốc lý luận và tiền đề khoa học tự nhiên.....	3
1.2.1. Nguồn gốc lý luận.....	3
1.2.2. Tiền đề khoa học tự nhiên.....	5
Chương 2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN       6	
2.1. Quá trình chuyển biến tư tưởng của C.Mác và Ăngghen từ chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa dân chủ cách mạng sang chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa cộng sản (1842 – 1844) .....	6
2.2. Giai đoạn đề xuất những nguyên lý triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử (1844 – 1848).....	9
2.3. Giai đoạn C.Mác và Ăngghen bổ sung và phát triển lý luận triết học .....	12
Chương 3. THỰC CHẤT VÀ Ý NGHĨA CUỘC CÁCH MẠNG TRONG TRIẾT HỌC DO C.MÁC VÀ ĂNGGHEN THỰC.....	13
3.1. Thực chất của cuộc cách mạng .....	13
3.2. Ý nghĩa của cuộc cách mạng .....	14
Chương 4. LÊNIN PHÁT TRIỂN TRIẾT HỌC MÁC .....	16
4.1. Giai đoạn 1893 – 1907 .....	16
4.2. Giai đoạn 1907 – 10/1917.....	17

4.3. Giai đoạn 1917 – 1924 .....	18
Chương 5. VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN TRONG ĐIỀU KIỆN THẾ GIỚI NGÀY NAY .....	19
Chương 6. KẾT LUẬN.....	22

## MỞ ĐẦU

Triết học là một trong những khoa học ra đời sớm nhất trong lịch sử văn minh, trí tuệ của nhân loại. Con người đã bắt đầu có những khám phá thế giới từ thời cổ đại sơ khai, tìm hiểu nguồn gốc thế giới và biến đổi thế giới ấy. Triết học ra đời nhằm nhằm đáp ứng nhu cầu này.

Ngày nay trong công cuộc xây dựng đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trong đó triết học Mác – Lê Nin là tư tưởng chủ đạo kế thừa từ những tinh hoa xuyên suốt lịch sử triết học từ thời kỳ cổ đại, trung cổ, triết học cổ điển Đức. Triết học Mác – Lênin là sự thẩm nhuận những giá trị từ các tiền đề tư tưởng, khoa học kỹ thuật, dưới sự tác động của hoàn cảnh xã hội thời kỳ đó để cho ra đời một học thuyết bao gồm những hệ tư tưởng mang tính cách mạng sâu sắc, hướng con người tới một xã hội mới tốt đẹp hơn.

Việc đi sâu tìm hiểu những tư tưởng của triết học Mác – Lênin giúp ta hiểu rõ hơn về thế giới quan, phương pháp luận đúng đắn và những chân lý đúng đắn của nó còn tồn tại đến ngày nay. Để từ đó định hướng cho sự phát triển nhan cách, tư duy của con người Việt Nam trong tương lai.

Bài tiểu luận gồm 5 chương:

- Chương 1: Điều kiện lịch sử của sự ra đời triết học Mác.
- Chương 2: Quá trình hình thành và phát triển triết học Mác – Lênin.
- Chương 3: Thực chất và ý nghĩa của cuộc cách mạng trong triết học do C.Mác và Ăngghen thực hiện.
- Chương 4: Lênin phát triển triết học Mác.
- Chương 5: Vận dụng và phát triển triết học Mác – Lênin trong điều kiện thế giới ngày nay.
- Chương 6: Kết luận.

## **Chương 1. ĐIỀU KIỆN LỊCH SỬ CỦA SỰ RA ĐỜI TRIẾT HỌC MÁC**

### **1.1. Điều kiện kinh tế - xã hội**

Triết học Mác ra đời vào thời kỳ chủ nghĩa phong kiến sụp đổ và chủ nghĩa tư bản lớn mạnh ở một số nước Châu Âu và Bắc Mỹ. Chủ nghĩa tư bản ra đời đã làm cho lực lượng sản xuất phát triển đạt đến trình độ khác về chất so với lịch sử trước đó.

#### **1.1.1. Sự củng cố và phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa trong điều kiện cách mạng công nghiệp**

Vào những năm 40 của thế kỉ 19 do tác động của cuộc cách mạng trong công nghiệp, nền công nghiệp cơ khí ra đời làm cho lực lượng sản xuất phát triển mạnh mẽ. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa xuất hiện, phát triển và được củng cố vững chắc và trở thành xu thế phát triển của nền sản xuất xã hội.

Nước Anh đã hoàn thành cuộc cách mạng công nghiệp và trở thành cường quốc công nghiệp. Ở Pháp, cuộc cách mạng công nghiệp đang đi vào giai đoạn hoàn thành. Ở Đức và một số nước tây âu khác, cuộc cách mạng công nghiệp cũng làm cho phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa lớn lên nhanh chóng trong lòng xã hội phong kiến.

Chế độ tư bản chủ nghĩa thể hiện sự vượt trội so với chế độ phong kiến và được thể hiện một cách rõ rệt. “Giải cấp tư sản, trong quá trình thống trị giai cấp chưa đầy một thế kỷ, đã tạo ra những lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thế hệ trước kia gộp lại”. Sự phát triển của những quan hệ tư bản chủ nghĩa ở các nước lớn Tây Âu làm lộ rõ thêm những mâu thuẫn bên trong vốn có của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Khi giai cấp tư sản chưa trở thành giai cấp thống trị về chính trị và còn là một lực lượng cách mạng chống chủ nghĩa phong kiến thì sự đối lập giữa lợi ích của nó với lợi ích giai cấp của giai cấp vô sản chưa bộc lộ một cách gay gắt. Nhưng sau khi đã xác lập được sự thống trị của mình rồi, nó không còn là giai cấp cách

mạng nữa và nó dần dần trở thành lực lượng bảo thủ. Sự phát triển của lực lượng sản xuất làm cho quan hệ sản xuất tư bản được củng cố tạo ra cơ sở kinh tế để cho xã hội tư bản phát triển kèm theo đó mâu thuẫn xã hội ngày càng thêm gay gắt và bộc lộ ngày càng rõ rệt, sự phân hóa giàu nghèo tăng lên và bất công xã hội tăng. Những xung đột giữa giai cấp vô sản với tư sản đã phát triển thành những cuộc đấu tranh giai cấp.

### **1.1.2. Sự xuất hiện của giai cấp vô sản**

Cùng với nền đại công nghiệp cơ khí là sự xuất hiện của chủ nghĩa tư bản và sự hình thành và phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, giai cấp vô sản và giai cấp tư sản ra đời và lớn lên. Khi chế độ tư bản chủ nghĩa được xác lập, giai cấp tư sản trở thành giai cấp thống trị xã hội, giai cấp vô sản bị bóc lột thì mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản với tư sản vốn mang tính đối kháng phát triển trở thành những cuộc đấu tranh giai cấp.

Giai cấp công nhân công nghiệp ra đời, đây là giai cấp đại biểu cho lực lượng sản xuất mới có bản chất cách mạng triệt để nhất. Mặt khác, sự phát triển của chủ nghĩa tư bản làm cho những mâu thuẫn xã hội vốn có của nó bộc lộ ngày càng gay gắt. Nhiều cuộc đấu tranh của công nhân nổ ra, mang ý nghĩa to lớn là:

- Cuộc khởi nghĩa của thợ dệt ở thành phố Liông (Pháp) năm 1831 tuy bị đàn áp nhưng lại bùng nổ tiếp vào năm 1834.
- Phong trào “Hiến Chương” ở Anh vào cuối những năm 30 của thế kỉ 19, là “phong trào cách mạng vô sản to lớn đầu tiên có tính chất quần chúng và có hình thức chính trị”.
- Ở Đức nổi lên phong trào đấu tranh của thợ dệt ở Xilêdi và đã mang tính giai cấp. Cuộc khởi nghĩa tự phát của thợ dệt Xilêdi năm 1844 dẫn đến sự xuất hiện “Đồng minh những người chính nghĩa” - một tổ chức vô sản cách mạng.

Trong hoàn cảnh lịch sử đó, giai cấp tư sản không còn đóng vai trò là giai cấp cách mạng. Giai cấp tư sản ở Anh, Pháp tuy nắm quyền thống trị nhưng lại

hoảng sợ trước cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản nên không còn là vị trí tiên phong trong quá trình cải tạo dân chủ như trước. Giai cấp tư sản Đức đang lớn lên trong lòng xã hội phong kiến, vốn đã khiếp sợ bạo lực cách mạng khi nhìn vào tấm gương Cách mạng tư sản Pháp 1789, nay lại thêm sợ hãi trước sự phát triển của phong trào công nhân Đức. Vì vậy trong điều kiện lịch sử xã hội đó, giai cấp vô sản không còn đóng vai trò là giai cấp cách mạng, xuất hiện trên vũ đài lịch sử không chỉ là “kẻ phá hoại” chủ nghĩa tư bản mà với sứ mệnh xóa bỏ xã hội tư bản và trở thành lực lượng tiên phong trong cuộc đấu tranh cho nền dân chủ và tiến bộ xã hội.

Như vậy, thực tiễn xã hội, đặc biệt là thực tiễn cách mạng của giai cấp vô sản nảy sinh yêu cầu khách quan, đòi hỏi phải được soi sáng bởi một hệ thống lý luận, một học thuyết triết học mới, định hướng phong trào đấu tranh nhanh chóng đạt được thắng lợi. Sự ra đời của chủ nghĩa Mác là sự giải đáp về mặt lý luận những vấn đề thời đại đặt ra trên lập trường của giai cấp vô sản cách mạng.

Sự xuất hiện của giai cấp vô sản trên vũ đài lịch sử và phong trào đấu tranh của họ đã tạo ra nguồn tư liệu quý báu về thực tiễn xã hội để C.Mác và Ăngghen khái quát xây dựng những quan điểm triết học và ra đời của chủ nghĩa Mác là sự giải đáp về mặt lý luận những vấn đề thời đại đặt ra trên lập trường của giai cấp vô sản cách mạng.

## **1.2. Nguồn gốc lý luận và tiền đề khoa học tự nhiên**

### **1.2.1. Nguồn gốc lý luận**

C.Mác và Ăngghen đã kế thừa những thành tựu trong lịch sử tư tưởng nhân loại. C.Mác và Ăngghen đã từng là những người theo học triết học Hêghen và nghiên cứu triết học Phoiobắc. Qua đó, hai ông đánh giá cao tư tưởng biện chứng của triết học Hêghen và đã nhận thấy: Tuy học thuyết triết học của Hêghen mang quan điểm của chủ nghĩa duy tâm nhưng chứa đựng cái “hạt nhân hợp lý” của phép biện chứng. C.Mác cho rằng: “Tính chất thần bí mà biện chứng đã mắc phải ở triết học Hêghen tuy nhiên không ngăn cản Hêghen trở thành người đầu tiên trình



bày một cách bao quát và có ý thức hình thái vận động chung của phép biện chứng ấy. Ở Hêghen, phép biện chứng bị lộn ngược đầu xuống đất; chỉ cần dựng nó lại sẽ phát hiện được cái hạt nhân hợp lý của nó sau lớp vỏ thần bí của nó”. Còn học thuyết triết học Phoiơbắc tuy còn mang nặng quan niệm siêu hình nhưng nội dung lại thấm nhuần quan điểm duy vật.

C.Mác và Ăngghen đã kế thừa “hạt nhân hợp lý” của Hêghen và cải tạo, lột bỏ cái vỏ thần bí để xây dựng nên lí luận mới của phép biện chứng. Hai ông đã kế thừa chủ nghĩa duy vật của Phoiơbắc, khắc phục tính siêu hình và những hạn chế lịch sử khác của nó để xây dựng nên lí luận mới của chủ nghĩa duy vật. Từ đó tạo ra cơ sở để hai ông xây dựng nên học thuyết mới, trong đó chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng thống nhất với nhau một cách hữu cơ gọi là chủ nghĩa duy vật biện chứng, một hình thức mới, một giai đoạn phát triển cao của chủ nghĩa duy vật triết học.

Sau đó, C.Mác và Ăngghen thừa kế và cải tạo kinh tế chính trị học Anh với những đại biểu xuất sắc là A.Xơmít và Đ.Ricácđô, đó là một nhân tố không thể thiếu để xây dựng học thuyết kinh tế mà còn là góp phần làm hình thành quan niệm duy vật về lịch sử của triết học Mác.

X.Ximông và S.Furiê, những đại biểu nổi tiếng của chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp là một trong ba nguồn gốc lí luận của triết học Mác. C.Mác và Ăngghen đã kế thừa những quan điểm tiến bộ của chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp (quan điểm về vai trò của nền sản xuất trong xã hội, quan điểm về sở hữu v.v...) và khắc phục tính không tưởng thiếu điều kiện lịch sử cụ thể của nó để xây dựng những quan điểm duy vật lịch sử. Nhờ đó, triết học Mác trở thành vũ khí lí luận cải tạo xã hội bằng cách mạng.

Vì vậy, khi tìm hiểu nguồn gốc lí luận của triết học Mác cần tìm hiểu không chỉ trong triết học Đức mà trong cả chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp và kinh tế chính trị học Anh để hiểu thêm những nhân tố góp phần hình thành nên triết học Mác và lịch sử của nó.

### **1.2.2. Tiền đề khoa học tự nhiên**

Giữa triết học với khoa học nói chung và khoa học tự nhiên nói riêng có mối quan hệ khăng khít. Sự phát triển của tư duy triết học phải dựa trên cơ sở tri thức do các khoa học cụ thể đem lại. Vì thế, mỗi khi trong khoa học có những phát minh mang tính chất vạch thời đại thì tạo ra sự thay đổi của triết học.

Trong những năm đầu của thế kỷ 19, khoa học tự nhiên phát triển mạnh với nhiều phát minh quan trọng, Ăngghen nêu bật ý nghĩa của ba phát minh lớn đối với sự hình thành triết học duy vật biện chứng: định luật bảo toàn và chuyển hoá năng lượng, thuyết tế bào và thuyết tiến hoá của Đắcuyn. Với những phát minh lớn của khoa học tự nhiên đã làm cho quan niệm mới về tự nhiên đã được hoàn thành trên những nét cơ bản.

Và những phát minh lớn của khoa học tự nhiên trong giai đoạn đó có vai trò quan trọng không thể thiếu được cho sự ra đời của triết học Mác. Nó đã vạch ra mối liên hệ thống nhất giữa những sự vật, giữa các hình thức vận động khác nhau trong tính thống nhất vật chất của thế giới, vạch ra tính biện chứng của sự vận động và phát triển, đặc biệt là nó đã bộc lộ rõ tính hạn chế, chật hẹp và những bất lực của phương pháp tư duy siêu hình trong việc nhận thức thế giới và của tư tưởng biện chứng cổ đại cũng như phép biện chứng của Hêghen. Từ đó đặt ra một yêu cầu trong tư duy nhân loại cần phải xây dựng một phương pháp tư duy mới thật sự khoa học. Với những phát minh của mình, khoa học đã thời cung cấp cơ sở tri thức khoa học để phát triển tư duy biện chứng để C.Mác và Ăngghen phát triển tư duy biện chứng, hình thành phép biện chứng duy vật.

Như vậy, triết học Mác cũng như toàn bộ chủ nghĩa Mác đã ra đời như một tất yếu lịch sử không những vì nó một sự phản ánh thực tiễn xã hội, nhất là thực tiễn cách mạng của giai cấp công nhân mà còn là sự phát triển hợp logic của lịch sử tư tưởng nhân loại.

## **Chương 2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN**

Sự hình thành và phát triển triết học Mác - Lênin trải qua một quá trình dài và qua các giai đoạn sau:

- Giai đoạn chuyển biến tư tưởng của C.Mác và Ăngghen từ chủ nghĩa duy tâm và dân chủ cách mạng sang chủ nghĩa duy vật và cộng sản chủ nghĩa.
- Giai đoạn hình thành những nguyên lý triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử.
- Giai đoạn C.Mác và Ăngghen bổ sung và phát triển lí luận triết học.
- Giai đoạn Lênin bảo vệ hoàn thiện và tiếp tục phát triển triết học Mác.

### **2.1. Quá trình chuyển biến tư tưởng của C.Mác và Ăngghen từ chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa dân chủ cách mạng sang chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa cộng sản (1842 – 1844)**

C.Mác (5/5/1818 - 14/3/1883) sinh trưởng trong một gia đình trí thức (bố là luật sư) ở thành phố Tơ-rơ-vơ, tỉnh Ranh, một vùng khá phát triển cả về kinh tế và chính trị của nước Đức, có nhiều ảnh hưởng của cách mạng tư sản Pháp và đạo Kitô là tôn giáo độc tôn.

Những ảnh hưởng tốt của giáo dục gia đình, nhà trường và các quan hệ xã hội khác đã giúp C.Mác hình thành tinh thần nhân đạo và xu hướng yêu tự do. Phẩm chất đó không ngừng được bồi dưỡng và đã trở thành định hướng cho cuộc đời sinh viên và đưa C.Mác tới chủ nghĩa dân chủ cách mạng và quan điểm vô thần. Cũng vì thế, trong tình hình lúc đó, triết học Hêghen với tinh thần biện chứng cách mạng của nó được C.Mác xem là chân lý. Trong thời gian học ở khoa Luật trường Đại học Tổng hợp Berlin (1836 - 1841) ông say mê nghiên cứu triết học, nhằm giải đáp vấn đề giải phóng con người, thực hiện dân chủ, vươn tới tự do. Năm 1837 C.Mác tập trung nghiên cứu triết học Hêghen và tham gia nhóm “Hêghen trẻ”.

Sau khi nhận bằng tiến sĩ triết học (8/1841), C.Mác chuẩn bị vào giảng dạy triết học ở trường đại học tổng hợp Bon và dự định xuất bản một tạp chí với tên gọi “Tư liệu của chủ nghĩa vô thần” nhưng không được thực hiện vì vua Phridrich Vinhem IV, nhà nước phong kiến Phổ thực hiện chính sách đàn áp những người dân chủ cách mạng.

Ông và một số người theo phái “Hêghen trẻ” đã chuyển sang hoạt động chính trị đấu tranh chống lại chủ nghĩa chuyên chế Phổ giành lại quyền tự do dân chủ, đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong tư tưởng của ông. Như vậy lúc này, trong tư tưởng của C.Mác có sự mâu thuẫn giữa thế giới quan duy tâm với tinh thần dân chủ cách mạng và vô thần. Mâu thuẫn bước đầu được giải quyết khi C.Mác làm việc ở báo Sông Ranh (5/1842 đến 4/1843), ở đây lúc đầu là cộng tác viên sau trở thành linh hồn của tờ báo và ông đã làm cho nó trở thành cơ quan ngôn luận của phái dân chủ cách mạng. Thực tiễn đấu tranh trên báo chí cho tự do dân chủ đã làm cho tư tưởng dân chủ -cách mạng ở C.Mác có nội dung chính xác hơn, đó là đấu tranh cho lợi ích của “quần chúng nghèo khổ bất hạnh về chính trị và xã hội”.

Qua thực tiễn đấu tranh báo chí đã làm cho tư tưởng dân chủ cách mạng ở C.Mác có nội dung chính xác và rõ ràng hơn, đó là đấu tranh cho lợi ích của quần chúng lao động nghèo khổ. Ở C.Mác này tư tưởng cộng sản chủ nghĩa chưa được hình thành, ông đấu tranh bảo vệ “quần chúng nghèo khổ bất hạnh” dưới tinh thần nhân đạo. Về thế giới quan triết học, nhìn chung C.Mác vẫn đứng trên lập trường duy tâm trong việc xem xét bản chất nhà nước. Với tinh thần nhân đạo, ông tập trung phê phán các chính sách của nhà nước Phổ, nhà nước đó chỉ là “cơ quan đại diện đẳng cấp của những lợi ích cá nhân”.

Song với tinh thần phê phán ông đã tiếp nhận có chọn lọc quan điểm duy vật của triết học Phoiơbắc đã tăng cường mạnh mẽ xu hướng duy vật trong quan điểm của C.Mác. Sự phê phán sâu rộng triết học Hêghen, việc khái quát kinh nghiệm lịch sử cùng với ảnh hưởng quan điểm duy vật và nhân văn của triết học Phoiơbắc đã tăng cường mạnh mẽ xu hướng duy vật trong quan điểm triết học của C.Mác.

Vì thế sau khi báo Sông Ranh bị cấm (1843), C.Mác sang Pari và đặt cho mình nhiệm vụ duyệt lại một cách có phê phán quan niệm duy tâm của Hêghen trước hết về xã hội và nhà nước. Ở đây, không khí chính trị sôi sục và tiếp xúc với các đại biểu của giai cấp vô sản đã dẫn đến bước chuyển biến dứt khoát quan điểm của ông sang chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa cộng sản. Trong bài báo “Lời nói đầu của cuốn sách góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêghen”, C.Mác đã phân tích một cách sâu sắc theo quan điểm duy vật ý nghĩa và hạn chế của cuộc cách mạng tư sản chỉ là “cuộc cách mạng bộ phận”, đồng thời ông khẳng định, chỉ có cuộc cách mạng do giai cấp vô sản thực hiện mới là “cuộc cách mạng triệt để”.

C.Mác nêu rõ: “Giống như triết học thấy giai cấp vô sản là vũ khí vật chất của mình, giai cấp vô sản cũng thấy triết học là vũ khí tinh thần của mình”. Với bài báo này và một số bài báo khác đăng trong tạp chí niên giám Đức - Pháp năm 1844 đánh dấu bước hoàn thành quá trình chuyển biến lập trường, quan điểm của C.Mác.

Như vậy, qua thực tiễn, nguyện vọng muốn cắt nghĩa hiện thực, xác lập lý tưởng tự do trong thực tế đã giúp C.Mác hình thành và phát triển tư tưởng triết học duy vật biện chứng và triết học duy vật lịch sử cũng đồng thời là quá trình hình thành chủ nghĩa cộng sản khoa học.

Ăngghen sinh ngày 28/11/1820, trong một gia đình chủ xưởng sợi ở tỉnh Ranh. Khi còn là học sinh trung học đã có thái độ căm ghét sự chuyên quyền và độc đoán của bọn quan lại phong kiến. Việc nghiên cứu triết học trong thời gian ở thủ đô Berlin của Đức, khi làm nghĩa vụ quân sự đã hướng ông đi vào con đường khoa học.

Nhưng sau khoảng thời gian gần hai năm sống ở Manchester (Anh) từ năm 1842, khi nghiên cứu đời sống kinh tế và chính trị nước Anh, nhất là việc trực tiếp tham gia phong trào công nhân mới dẫn đến bước chuyển căn bản trong thế giới quan của ông sang chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa cộng sản.

Năm 1844 trên tạp chí niên giám Pháp - Đức cũng đăng các tác phẩm phát thảo: “Bản thảo góp phần phê phán kinh tế - chính trị học”, “Tình cảnh giai cấp công nhân Anh”. Các tác phẩm đó cho thấy ở Ăngghen, quá trình chuyển từ chủ nghĩa duy tâm

và dân chủ cách mạng sang chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa cộng sản đã hoàn thành. Quá trình này diễn ra độc lập với C.Mác, trong các bài báo này, ông đã đứng trên lập trường của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa cộng sản để phê phán kinh tế chính trị học của A.Xơmít và Đ.Ricacđô.

## **2.2. Giai đoạn đề xuất những nguyên lý triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử (1844 – 1848)**

Trong khoảng thời gian từ năm 1844 đến năm 1848 là quá trình hai ông từng bước xây dựng những nguyên lý triết học của mình. Sự nhất trí về quan điểm và lập trường đã dẫn đến tình bạn vĩ đại giữa C.Mác và Ăngghen, gắn liền tên tuổi của hai ông với sự ra đời và phát triển một thế giới quan cách mạng của giai cấp vô sản.

Vào năm 1844, thông qua tác phẩm “Bản thảo kinh tế - triết học”, C.Mác tiếp tục phê phán triết học duy tâm của Hêghen, đồng thời cũng vạch ra mặt tích cực của nó là phép biện chứng. C.Mác phân tích xem sự tha hoá của lao động như một tất yếu lịch sử gắn liền với sở hữu tư nhân, và chính sở hữu tư nhân được sinh ra do “lao động bị tha hoá”, nhưng sau đó lại trở thành nguyên nhân của sự tha hoá lao động và sự tha hoá của con người, biến sức lao động trở thành hàng hóa. C.Mác chỉ rõ: “Muốn khắc phục sự tha hoá ấy phải xóa bỏ chế độ sở hữu tư nhân và giải phóng con người lao động”.

Trong tác phẩm này C.Mác đã luận chứng cho tính tất yếu của chủ nghĩa cộng sản trong sự phát triển của xã hội. Mặc dù luận chứng này chưa chín mùi về mặt lý luận, song đã cho phép phân biệt quan niệm của C.Mác về chủ nghĩa cộng sản với những quan niệm của chủ nghĩa bình quân vốn có của các môn phái chủ nghĩa cộng sản không tưởng. Theo C.Mác, chủ nghĩa cộng sản dựa trên sự phát triển cao của nền sản xuất xã hội là nấc thang lịch sử cao hơn chủ nghĩa tư bản. Từ góc độ triết học, C.Mác đã nhận thức chủ nghĩa cộng sản như một nấc thang lịch sử cao hơn chủ nghĩa tư bản với những tiền đề do chính chủ nghĩa tư bản tạo ra.

Trong tác phẩm “Gia đình thần thánh” do C.Mác và Ăngghen viết chung tháng 2 /1845 chứa đựng “quan điểm đã gần thành của Mác về vai trò cách mạng của giai cấp vô sản”, nêu rõ sự phê phán của hai ông đối với "phái Hêghen trẻ" đứng đầu là anh em nhà Bauơ về quan điểm lịch sử. Hai ông đã trình bày một số nguyên lý cơ bản của triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử như: Quan điểm về vai trò của sản xuất vật chất đối với xã hội.

Năm 1845 - 1846, C.Mác và Ăngghen viết chung tác phẩm “Hệ tư tưởng Đức”, đánh dấu một mốc quan trọng trong quá trình hình thành triết học Mác. Thông qua việc phê phán các trào lưu triết học đương thời ở nước Đức hai ông đã trình bày quan niệm duy vật lịch sử một cách hệ thống. Nội dung của tác phẩm đã trình bày rõ những quan điểm với tư cách là luận điểm xuất phát như: “Tiền đề đầu tiên của toàn bộ lịch sử nhân loại dĩ nhiên là sự tồn tại của những cá nhân con người sống, đó là những con người hiện thực mà sản xuất vật chất là hành vi lịch sử đầu tiên của họ” và quan điểm: “Quan điểm duy vật lịch sử khi xem xét lịch sử xã hội phải xuất phát từ con người”. Trong tác phẩm này cũng đã trình bày rõ hệ thống quy luật vận động và phát triển của xã hội loài người.

Tác phẩm đã nêu một số quan điểm về chủ nghĩa xã hội khoa học nhưng chưa có được sự diễn đạt rõ ràng, C.Mác và Ăngghen nhận định Chủ nghĩa cộng sản là một lý tưởng cao đẹp của nhân loại, nhưng lý tưởng đó được thực hiện từng bước với những mục tiêu cụ thể nào, bằng con đường nào, điều đó tùy thuộc vào điểm xuất phát và chỉ có qua phong trào thực tiễn mới tìm ra được những hình thức và bước đi thích hợp.

Trong thời gian này C.Mác cũng viết tác phẩm “Luận cương về Phoiơbắc” (8/1845) nêu rõ tư tưởng cơ bản là vai trò quyết định của thực tiễn đối với đời sống xã hội, từ đó nêu lên sứ mệnh góp phần “cải tạo thế giới” của triết học Mác. Với quan điểm thực tiễn đúng đắn, C.Mác đã vạch ra “khuyết điểm chủ yếu” của toàn bộ chủ nghĩa duy vật trước kia, kể cả chủ nghĩa duy vật của Phoiơbắc, đồng thời cũng phê phán và bác bỏ quan điểm của chủ nghĩa duy tâm về tính năng động, sáng tạo của tư

duy. Đồng thời cũng từ quan điểm duy vật biện chứng về thực tiễn, C.Mác đi tới nhận thức về mặt xã hội của bản chất con người: “Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa của các quan hệ xã hội”.

Với tác phẩm “Luận cương về Phoiơbắc” và nhất là tác phẩm “Hệ tư tưởng Đức” quan niệm duy vật lịch sử đã hình thành. Quan niệm đó tạo cơ sở lý luận khoa học vững chắc cho sự phát triển tư tưởng cộng sản chủ nghĩa. Tuy vậy trong hệ tư tưởng Đức, học thuyết về chủ nghĩa cộng sản được hai ông trình bày như là một hệ quả trực tiếp của quan niệm duy vật lịch sử cho nên chủ nghĩa cộng sản chưa được diễn đạt thành luận điểm cụ thể. Song, một điều quan trọng là C.Mác và Ăngghen đã xây dựng phương pháp tiếp cận khoa học để nhận thức chủ nghĩa cộng sản.

Năm 1847, C.Mác viết tác phẩm “Sự khôn cùng của triết học”. Ở đây ông trình bày tiếp các nguyên lý của triết học, chủ nghĩa cộng sản khoa học và đặc biệt là như chính Mác sau này đã nói, “chứa đựng những mầm mống của học thuyết được trình bày trong bộ Tư bản sau hai mươi năm trời lao động”.

Năm 1848, C.Mác và Ăngghen viết tác phẩm “Tuyên ngôn cộng sản” là văn kiện có tính chất cương lĩnh đầu tiên của chủ nghĩa Mác, của phong trào cộng sản thế giới. Trong đó trình bày một cách sáng sủa và rõ ràng thế giới quan mới là chủ nghĩa duy vật cả trong lĩnh vực xã hội, phép biện chứng với tư cách là học thuyết toàn diện nhất về sự phát triển, về lý luận đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản, góp phần hoàn thiện chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Với tác phẩm này triết học Mác đã hình thành và được tiếp tục bổ sung phát triển trong suốt cuộc đời của hai ông trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm thực tiễn và khái quát các thành tựu khoa học.

Với Tuyên ngôn của Đảng cộng sản, triết học Mác và chủ nghĩa Mác nói chung đã hình thành và sẽ được C.Mác và Ăngghen tiếp tục bổ sung, phát triển trong suốt cuộc đời của hai ông trên cơ sở tổng kết những kinh nghiệm thực tiễn của phong trào công nhân và khai quát các thành tựu khoa học.



### **2.3. Giai đoạn C.Mác và Ăngghen bổ sung và phát triển lý luận triết học**

Từ sau “Tuyên ngôn cộng sản”, học thuyết triết học Mác tiếp tục được bổ sung và phát triển trong sự gắn bó hơn nữa với thực tiễn cách mạng vô sản mà hai ông vừa là những đại biểu tư tưởng, vừa là lãnh tụ thiên tài của phong trào công nhân. Bằng hoạt động của mình, hai ông đã đưa phong trào cách mạng của giai cấp vô sản từ tự phát thành phong trào tự giác, và chính trong quá trình đó, học thuyết của các ông cũng không ngừng được phát triển.

Tổng kết kinh nghiệm thực tiễn của phong trào đấu tranh cách mạng C.Mác đã khái quát và tìm ra những kết luận, qua đó bổ sung và phát triển lý luận. Điều đó được biểu hiện qua nội dung của một số tác phẩm như: “Đấu tranh giai cấp ở Pháp”, “Ngày 18 tháng Sương Mù của Lui Boonapácơ”, “Nội chiến ở Pháp”, “Phê phán cương lĩnh Gôta” cho thấy việc tổng kết kinh nghiệm thực tiễn của phong trào công nhân có tầm quan trọng như thế nào trong sự phát triển lý luận của chủ nghĩa Mác nói chung và triết học Mác nói riêng.

Đặc biệt qua bộ Tư bản, công trình đồ sộ của C.Mác về kinh tế học, ông đã trình bày những tất yếu phát triển của nền sản xuất xã hội, lịch sử thay thế các hình thái kinh tế xã hội. Lênin đã nhận xét: về phương diện triết học, nếu như C.Mác không để lại cho chúng ta một “lôgic học với chữ Lôgic viết hoa” thì C.Mác đã để lại cho chúng ta cái lôgic của bộ Tư bản.

Trong khi đó, Ăngghen đã khái quát các thành tựu khoa học để viết các tác phẩm như: “Chống Duyrinh”, “Biện chứng của tự nhiên”, “Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước”, “Lútsvích Phoiơbắc và sự cáo chung của nền triết học cổ điển Đức”. Trong các tác phẩm đó, ngoài việc phê phán các quan điểm triết học duy tâm, siêu hình và duy vật tầm thường, ông đã trình bày học thuyết triết học Mác dưới dạng hệ thống lý luận hoàn thiện hơn.

Ngoài ra cũng cần chú ý rằng, những ý kiến bổ sung, giải thích của Ăngghen sau khi C.Mác qua đời đối với một số luận điểm của các ông trước đây cũng có ý nghĩa rất quan trọng trong việc phát triển học thuyết Mác.

## **Chương 3. THỰC CHẤT VÀ Ý NGHĨA CUỘC CÁCH MẠNG TRONG TRIẾT HỌC DO C.MÁC VÀ ĂNGGHEN THỰC**

### **3.1. Thực chất của cuộc cách mạng**

Sự ra đời triết học Mác tạo nên sự biến đổi có ý nghĩa cách mạng trong lịch sử triết học nhân loại, tạo ra hình thức phát triển cao của chủ nghĩa duy vật là chủ nghĩa duy vật biện chứng và hình thức phát triển cao của phép biện chứng là phép biện chứng duy vật.

Triết học Mác thực sự khắc phục được sự tách rời thế giới quan duy vật và phép biện chứng trong lịch sử phát triển của triết học. Những chủ nghĩa duy vật trước Mác đã chứa đựng không ít những luận điểm riêng biệt thể hiện tinh thần biện chứng nhưng do sự hạn chế của điều kiện xã hội và trình độ phát triển của khoa học nên tính siêu hình vẫn là một nhược điểm chung của nó. Do vậy, quan điểm duy vật của những học thuyết đó thường thiếu triệt để. Đây là điểm yếu để chủ nghĩa duy tâm lợi dụng tiến hành đấu tranh chống lại.

Do đó C.Mác và Ăngghen đã cải tạo chủ nghĩa duy vật cũ, khắc phục hạn chế siêu hình, cải tạo phép biện chứng, giải thoát khỏi cái vỏ bọc duy tâm thần bí tiêu biểu trong triết học của Hêghen. Từ đó khái quát xây dựng một học thuyết triết học mới - chủ nghĩa duy vật biện chứng.

Với sự ra đời của triết học Mác, vai trò xã hội của triết học cũng như vị trí của triết học trong hệ thống tri thức khoa học cũng biến đổi. “Các nhà triết học đã chỉ Giải thích thế giới bằng nhiều cách khác nhau, song vấn đề là cải tạo thế giới”. Luận điểm đó của C.Mác nói lên sự khác nhau về chất giữa triết học của ông với các học thuyết triết học duy vật trước Mác.

Trước triết học Mác, có một số học thuyết triết học bàn đến vấn đề xã hội, song, do hạn chế về thế giới quan hoặc phương pháp luận nên các học thuyết đó mới chỉ nghiên cứu hoặc lĩnh vực này hoặc lĩnh vực kia mà chưa nghiên cứu toàn diện mọi mặt của xã hội. Do vậy không thể nào tìm ra được quy luật phát triển chung của

xã hội loài người. C.Mác và Ăngghen đã vận dụng những lý luận của duy vật biện chứng để nghiên cứu lĩnh vực xã hội, tìm ra các quy luật phát triển chung của xã hội loài người và tiến trình phát triển tất yếu tự nhiên của nó. Từ đó xây dựng, sáng lập ra chủ nghĩa duy vật lịch sử với tính cách là bộ phận của triết học Mác.

Chủ nghĩa duy vật lịch sử là thành tựu vĩ đại nhất của tư tưởng khoa học. Đó là một cuộc cách mạng thực sự trong triết học. C.Mác đã làm cho chủ nghĩa duy vật trở nên “hoàn bị và mở rộng học thuyết ấy từ chỗ nhận thức giới tự nhiên đến chỗ nhận thức xã hội loài người, chủ nghĩa duy vật lịch sử của Mác là thành tựu vĩ đại nhất của tư tưởng khoa học”. Triết học Mác thường lấy hoạt động thực tiễn cải tạo xã hội, cải tạo thế giới của con người là điểm xuất phát và thông qua quá trình hoạt động thực tiễn để hoàn thiện hệ thống lý luận của mình, tạo ra được sự gắn kết chặt chẽ giữa lý luận với thực tiễn. Lý luận xuất phát từ thực tiễn, chịu sự quyết định của thực tiễn, khi ra đời, lý luận định hướng hoạt động thực tiễn. Vì thế, so với các học thuyết triết học khác thì triết học Mác luôn luôn được bổ sung và hoàn thiện.

### **3.2. Ý nghĩa của cuộc cách mạng**

Triết học Mác ra đời làm vai trò xã hội cũng như vị trí của triết học trong hệ thống tri thức khoa học và đối tượng triết học có thay đổi căn bản.

Triết học Mác là thế giới quan khoa học của giai cấp công nhân, giai cấp tiên bộ và cách mạng nhất, một giai cấp có lợi ích phù hợp với lợi ích cơ bản của nhân dân lao động và sự phát triển xã hội, giai cấp vô sản có cơ sở lý luận khoa học để nhận thức thực tiễn xã hội, từ đó định ra được đường lối chiến lược và đề ra những biện pháp đấu tranh cải biến xã hội có hiệu quả. Sự kết hợp lý luận của chủ nghĩa Mác với phong trào công nhân đã tạo nên bước chuyển biến về chất của phong trào từ trình độ tự phát lên tự giác.

Triết học Mác còn là vũ khí tư tưởng để đấu tranh chống lại hệ tư tưởng tư sản, chủ nghĩa xét lại, cơ hội và chủ nghĩa giáo điều, góp phần quan trọng tạo ra sự thống nhất của phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản.

C.Mác và Ăngghen đã xây dựng lý luận triết học của mình trên cơ sở khái quát các thành tựu của khoa học tự nhiên và khoa học xã hội. Đến lượt mình, triết học Mác ra đời đã trở thành thế giới quan khoa học và phương pháp luận chung định hướng sự phát triển của các khoa học và phương pháp luận chung định hướng sự phát triển của các khoa học.

Vai trò cách mạng to lớn của triết học Mác được nâng cao còn vì sự thống nhất tính khoa học với tính cách mạng trong bản thân lý luận của nó. Sự thống nhất hữu cơ chủ nghĩa duy vật với phép biện chứng làm cho triết học mácxít mang tính cách mạng sâu sắc nhất. Sức mạnh “cải tạo thế giới” của triết học mácxít chính là ở sự gắn bó mật thiết với cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản cách mạng, với quần chúng nhân dân đông đảo, nhờ đó lý luận “trở thành lực lượng vật chất”.

Ngày nay, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học càng chứng tỏ sự cần thiết phải có tư duy biện chứng duy vật và ngược lại, phải phát triển lý luận triết học của chủ nghĩa Mác dựa trên những thành tựu của khoa học hiện đại. Như vậy, triết học Mác đã phân định rõ ranh giới giữa triết học với các khoa học khác và thiết lập được mối quan hệ chặt chẽ giữa chúng, cũng như xác định rõ đối tượng nghiên cứu của triết học là tìm ra quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy.

## **Chương 4. LÊNIN PHÁT TRIỂN TRIẾT HỌC MÁC**

### **4.1. Giai đoạn 1893 – 1907**

Sau khi C.Mác và Ăngghen mất, phong trào cộng sản thế giới có nguy cơ bị những người của phái chủ nghĩa xã hội dân chủ chi phối. Thời kỳ này nền đại công nghiệp ở Nga phát triển, giai cấp vô sản trưởng thành nhanh chóng, yêu cầu phải có lý luận dẫn đường. Lúc này, chủ nghĩa Mác được truyền bá ở Nga nhưng đồng thời cũng xuất hiện những quan điểm sai lầm của phái Dân túy (đề cao vai trò của nông dân và trí thức trong lãnh đạo cách mạng), phái kinh tế (chủ trương chỉ cần đấu tranh kinh tế là đủ), những người này tuyên truyền những luận điểm để bác bỏ những giá trị của chủ nghĩa Mác nói chung và triết học Mác nói riêng.

Lênin đã vận dụng sáng tạo học thuyết của Mác để giải quyết những vấn đề của cách mạng vô sản trong thời đại chủ nghĩa đế quốc và bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ông đã có đóng góp to lớn vào sự phát triển lý luận của chủ nghĩa Mác nói chung, triết học Mác nói riêng.

Những năm cuối thế kỷ 19 bước sang thế kỷ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên đã có những phát minh lớn “mang tính vạch thời đại”, nhất là những phát minh về điện tử và cấu tạo nguyên tử đã làm đảo lộn căn bản quan niệm về thế giới của vật lý học cổ điển, dẫn tới “cuộc khủng hoảng vật lý”.

Trong những tác phẩm lớn ban đầu của mình, như “Những người bạn dân là thế nào và họ đấu tranh chống những người dân chủ - xã hội ra sao?” (1894), Lênin đã vạch trần bản chất phản cách mạng, giả danh “người bạn của dân” của bọn dân túy ở Nga vào những năm 90 thế kỷ 19. Ông đã phê phán quan điểm duy tâm chủ quan về lịch sử của những nhà dân túy. Lênin không những bảo vệ chủ nghĩa Mác mà còn phát triển, làm phong phú thêm quan điểm duy vật lịch sử, nhất là lý luận về hình thái kinh tế - xã hội của Mác, khẳng định tầm quan trọng của lý luận cách mạng đối với phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản và nhân dân lao động.

Ở nước Nga, sau thất bại của cuộc cách mạng 1905-1907, những người theo chủ nghĩa Makhơ viện cớ “bảo vệ chủ nghĩa Mác”, nhưng thực chất là xuyên tạc triết học Maxcít. Do vậy, Lênin viết tác phẩm “Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán” (1900) để vạch rõ quan điểm duy tâm, siêu hình của những người theo chủ nghĩa Ma Khơ và chỉ rõ tác hại của nó đến phong trào cách mạng ở Nga. Trong tác phẩm, Lênin đã bổ sung và phát triển chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử dựa trên sự phân tích, khái quát những thành tựu khoa học mới nhất.

Lênin xây dựng định nghĩa vật chất với tính cách là một phạm trù triết học, nhiều vấn đề căn bản của nhận thức luận Mácxít đã được làm sâu sắc thêm, được nâng lên một trình độ mới. Phương pháp của Lênin trong việc phân tích “cuộc khủng hoảng vật lý” có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với sự phát triển của khoa học tự nhiên hồi đó và cho đến cả ngày nay.

#### **4.2. Giai đoạn 1907 – 10/1917**

Lênin tiến hành nghiên cứu những vấn đề triết học vào những năm chiến tranh thế giới lần thứ nhất nhằm đáp ứng yêu cầu nhận thức giai đoạn độc quyền nhà nước của chủ nghĩa tư bản và giải quyết những vấn đề cấp bách của thực tiễn cách mạng vô sản. Tác phẩm “Bút ký triết học” - gồm những ghi chép và nhận xét của Lênin khi đọc các tác phẩm của nhiều nhà triết học, được thực hiện chủ yếu từ năm 1914 đến năm 1915, cho thấy ông đặc biệt quan tâm nghiên cứu về phép biện chứng, nhất là triết học Hêgel làm phong phú thêm phép biện chứng duy vật, nhất là lý luận về sự thống nhất và đấu tranh giữa hai mặt đối lập. Thông qua đó, Lênin chuẩn bị lý luận cho cuộc cách mạng 1917.

Tinh thần sáng tạo của tư duy biện chứng đã giúp cho Lênin có những đóng góp quan trọng vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác về triết học như: vấn đề về nhà nước, bạo lực cách mạng, chuyên chính vô sản, lý luận về đảng kiểu mới. Lênin đã là tấm gương mẫu mực trong việc bảo vệ và phát triển triết học Mác.

### **4.3. Giai đoạn 1917 – 1924**

Cách mạng Tháng Mười thắng lợi, Lênin giải quyết nhiệm vụ đặt ra cho lý luận triết học là: phải cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa như thế nào, những vấn đề về bản chất và vai trò của nhà nước xã hội chủ nghĩa, phải đấu tranh chống chủ nghĩa xét lại.

Với những tác phẩm tiêu biểu như “Bệnh ấu trĩ tả khuynh trong phong trào cộng sản” (1920), “Về chính sách kinh tế mới” (1921), Lênin đã nêu lên những mẫu mực về sự thống nhất giữa tính Đảng với yêu cầu sáng tạo trong việc vận dụng lý luận của chủ nghĩa Mác trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đồng thời, Lênin chú trọng tổng kết kinh nghiệm thực tiễn cách mạng và dựa vào những thành quả mới nhất của khoa học để bổ sung, phát triển phép biện chứng Mác-xít. Với tinh thần biện chứng duy vật, xem chân lý là cụ thể, Lênin đã phải thay đổi một cách căn bản đối với một quan điểm nào đó của mình về chủ nghĩa xã hội, không chấp nhận mọi thứ biểu hiện của chủ nghĩa giáo điều.

Như vậy, Lênin là người kế thừa và phát triển triết học Mác trên cả hai phương diện lý thuyết và thực tiễn. Chính vì vậy mà một giai đoạn mới trong sự phát triển của chủ nghĩa Mác nói chung, triết học Mác nói riêng đã gắn liền với tên tuổi của Lênin và từ đó triết học Mác mang tên triết học Mác - Lênin.

## **Chương 5. VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN TRONG ĐIỀU KIỆN THẾ GIỚI NGÀY NAY**

Sự phát triển của triết học Mác – Lênin từ sau khi Lênin mất đến nay diễn ra trong những điều kiện mới với đặc điểm của thời đại hiện nay là sự tương tác giữa hai quá trình cách mạng - cách mạng khoa học công nghệ và cách mạng xã hội, đã tạo nên sự biến đổi rất năng động của đời sống xã hội. Trong điều kiện đó, quá trình tạo ra những tiền đề của chủ nghĩa xã hội diễn ra trong các nước tư bản phát triển được đẩy mạnh như một xu hướng khách quan.

Sự ra đời của công ty cổ phần từ cuối thế kỷ trước đã được C.Mác xem là “hình thái quá độ từ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa” sang “phương thức sản xuất tập thể”. Tính biện chứng của sự tiến hóa xã hội diễn ra trong những mâu thuẫn và thông qua các mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản cũng là một trong những nguồn gốc nảy sinh những khuynh hướng sai lầm khác nhau, thậm chí đi tới “xét lại” trong phong trào cộng sản và công nhân thế giới. Điều này đã được Lênin phân tích, chỉ rõ: “Do không nắm vững phép biện chứng duy vật, có những cá nhân hay nhóm người luôn phóng đại khi thì đặc điểm này, khi thì đặc điểm nọ của sự phát triển tư bản chủ nghĩa, khi thì bài học này, khi thì bài học nọ của sự phát triển ấy, thành lý thuyết phiến diện, thành một hệ thống sách lược phiến diện”.

Được các nước xây dựng chủ nghĩa xã hội truyền bá một cách rộng rãi và thuận lợi, triết học Mác - Lênin có ảnh hưởng sâu rộng trong quần chúng và trên mọi mặt của đời sống xã hội. Với tư cách là một bộ phận hợp thành, đồng thời là cơ sở lý luận chung của chủ nghĩa Mác – Lênin - nền tảng và kim chỉ nam cho hành động của các Đảng cộng sản, triết học Mác - Lênin đóng vai trò quan trọng không thể thiếu được trong sự phát triển của thực tiễn xây dựng xã hội mới với những thành tựu to lớn không thể phủ nhận được. Triết học Mác – Lênin không chỉ trang bị thế giới quan và phương pháp luận khoa học mà còn góp phần tích cực vào việc trau dồi năng lực tư duy lý luận cho chủ thể xây dựng xã hội mới, xã hội xã hội chủ nghĩa.



Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, thực tiễn lại làm nảy sinh hàng loạt vấn đề cần được giải đáp về mặt lý luận mà điều đó không hề có trong di sản lý luận của các nhà kinh điển, đòi hỏi các Đảng cộng sản phải biết “dùng lập trường, quan điểm, phương pháp của chủ nghĩa Mác-Lênin”. Như chủ tịch Hồ Chí Minh nói, để tổng kết những kinh nghiệm thực tiễn, nhờ đó hiểu được quy luật, định ra được đường lối, phương châm, bước đi cụ thể thích hợp của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Với sự khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội làm cho yêu cầu phát triển triết học Mác - Lênin càng trở nên cần thiết và cấp bách. Thực tiễn cuộc đấu tranh bảo vệ thành quả mà chủ nghĩa xã hội đã giành được, nhất là cuộc đấu tranh bảo vệ đưa sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội vượt qua thách thức to lớn hiện nay và tiếp tục tiến lên, đòi hỏi các Đảng cộng sản phải nắm vững lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin nói chung và triết học Mác - Lênin nói riêng. Cần phải thấm nhuần thế giới quan duy vật và phép biện chứng khoa học của nó.

Muốn quá trình đổi mới, “cải tổ” chủ nghĩa xã hội thành công chứng tỏ sự cần thiết phải kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa xét lại, đồng thời phải khắc phục bệnh giáo điều trong việc vận dụng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin. Chẳng hạn, xóa bỏ chế độ tư hữu, xây dựng chế độ công hữu là một quan điểm cơ bản mang tính nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội khoa học, nhưng thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội đã cho thấy giải quyết vấn đề này là vấn đề phức tạp đòi hỏi sự thống nhất, đồng tình, nghiêm chỉnh thực hiện của tất cả mọi người.

Các nhà kinh điển đã thấy rõ nguy cơ quan liêu hoá bộ máy nhà nước dù đó là nhà nước kiểu mới. “Ăngghen luôn luôn nhấn mạnh rằng không những dưới chế độ quân chủ, mà cả dưới chế độ cộng hoà dân chủ, nhà nước vẫn là nhà nước, nghĩa là vẫn giữ nguyên đặc tính chủ yếu của nó là: biến những viên chức, “công bộc của xã hội”, những cơ quan của mình thành những ông chủ đứng trên đầu xã hội”. C.Mác rất chú ý những biện pháp của Công xã Pari mà ông cho là có thể ngăn ngừa tình trạng đó một cách hữu hiệu.

Thực tiễn đã chứng tỏ, chủ nghĩa chủ quan và duy ý chí không những đã dẫn đến nhiều sai lầm khuyết điểm nghiêm trọng trong xây dựng chủ nghĩa xã hội mà còn là trở ngại cho việc phát triển lý luận. Những hạn chế, những khuyết tật của chủ nghĩa xã hội hiện thực, do điều kiện lịch sử cũng như do sai lầm chủ quan gây nên, cũng được phản ánh vào tư duy lý luận, chi phối quá trình phát triển của triết học. Thực tế đã chứng tỏ, cơ chế quản lý kinh tế và quản lý xã hội mang tính chất tập trung quan liêu là trở lực to lớn với sự phát triển năng lực sáng tạo của con người, của tư duy lý luận nói riêng. Chúng ta phải thực hiện kế hoạch hoá đồng bộ, nghiêm khắc, phù hợp với đường lối chủ trương của Đảng, nhà nước và không dẫn đến tình trạng tập trung quan liêu. Bởi vì tham nhũng là mầm mống của sự hủy hoại, tàn phá từ bên trong, chúng ta phải kiên quyết loại bỏ tham nhũng bằng mọi giá.

Những vấn đề của chủ nghĩa xã hội do quá trình đổi mới đặt ra không thể giải thích được chỉ bằng lý luận triết học và bản thân tư duy triết học cũng cần phải được đổi mới để phát triển. Việc tìm giải pháp cho những vấn đề của chủ nghĩa xã hội cũng như việc bổ sung và phát triển lý luận triết học của chủ nghĩa Mác - Lênin phải được thực hiện thông qua tổng kết kinh nghiệm thực tiễn. Muốn vậy, việc tổng kết thực tiễn lại phải được thực hiện theo phương pháp khoa học Mácxít. Có như vậy mới có thể làm sáng tỏ những điều ngộ nhận, những quan điểm xuyên tạc, phủ định các giá trị cơ bản của học thuyết Mác - Lênin.

Như vậy, phát triển lý luận triết học Mác - Lênin và đổi mới chủ nghĩa xã hội trong thực tiễn là một quá trình thống nhất, bởi vì "Thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là một nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa Mác - Lênin".

## **Chương 6. KẾT LUẬN**

Với sự sáng tạo ra chủ nghĩa duy vật biện chứng, C.Mác và Ăngghen đã làm biến đổi căn bản mối quan hệ giữa triết học với các khoa học khác. Triết học Mác-Lênin có ý nghĩa thế giới quan và phương pháp luận to lớn đối với các khoa học cụ thể.

Hiểu biết các quy luật chung nhất của hiện thực khách quan sẽ giúp nghiên cứu có kết quả quy luật đặc thù, điều đó đúng ở cả khoa học tự nhiên và khoa học xã hội. Nếu không có quan điểm duy vật biện chứng về đời sống xã hội thì không thể tạo ra được kinh tế học chính trị như một khoa học, không thể hiểu được những mặt khác nhau của đời sống xã hội.

Ngày nay, khi khoa học - công nghệ phát triển mạnh mẽ thì sự gắn bó giữa triết học Mác - Lênin và khoa học càng trở nên đặc biệt quan trọng. Lý luận triết học sẽ khô cứng và lạc hậu nếu tách rời các tri thức khoa học chuyên ngành. Ngược lại, nếu không đứng vững trên lập trường duy vật khoa học và thiếu tư duy biện chứng thì trước những phát hiện mới, người ta dễ mất phương hướng và đi đến những kết luận sai lầm về mặt triết học.

Đời sống xã hội hiện đại đang có những biến đổi sâu sắc; việc nắm vững triết học Mác - Lênin giúp chúng ta tự giác trong quá trình trau dồi phẩm chất chính trị, tinh thần và năng lực tư duy sáng tạo của mình, tránh những sai lầm do chủ nghĩa chủ quan và ph-ong pháp tư- duy siêu hình gây ra.

Tuy nhiên, triết học Mác - Lênin không phải là đơn thuốc vạn năng có thể giải quyết mọi vấn đề trong cuộc sống. Bởi vậy trong hoạt động nhận thức và thực tiễn cần tránh cả hai khuynh hướng sai lầm: hoặc xem thường triết học hoặc là tuyệt đối hóa vai trò của triết học. Nếu xem thường triết học sẽ rơi vào tình trạng mò mẫm, dễ bằng lòng với những biện pháp cụ thể nhất thời, dễ mất phương hướng, thiếu chủ động và sáng tạo. Còn nếu tuyệt đối hóa vai trò của triết học sẽ sa vào chủ nghĩa giáo điều, áp dụng máy móc những nguyên lý, quy luật chung mà không tính đến tình hình cụ thể trong những trường hợp riêng, dẫn đến những vấp vấp, dễ thất bại.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. “C.Mác và Ph.Ăngghen toàn tập, tập 1, 2002” Nxb. Chính trị Quốc gia – sự thật, Hà Nội.
2. “V.I.Lênin toàn tập, tập 11, 1978” Nxb. Tiến bộ, Maxcova
3. “Giáo trình triết học” – Nxb. Chính trị Quốc gia – sự thật, Hà Nội
4. Internet. -- Wikipedia.org